



**ĐẠI HỌC HUẾ**  
**TRƯỜNG ĐẠI HỌC SƯ PHẠM**

---

**NHIỀU TÁC GIẢ**

**KỶ YẾU HỘI THẢO KHOA HỌC QUỐC GIA**  
**GIÁO DỤC MẦM NON TRONG BỐI CẢNH**  
**CÁCH MẠNG CÔNG NGHIỆP 4.0**  
HUẾ, 09/3/2019

**PROCEEDINGS OF THE NATIONAL SCIENTIFIC CONFERENCE:**  
**“PRE-SCHOOL EDUCATION IN THE FOURTH INDUSTRIAL**  
**REVOLUTION”**  
HUE, MARCH 09, 2019

**NHÀ XUẤT BẢN ĐẠI HỌC HUẾ**  
**Huế, 2019**

**Biên mục trên xuất bản phẩm của Thư viện Quốc gia Việt Nam**

Kỷ yếu hội thảo khoa học quốc gia: Giáo dục mầm non trong bối cảnh cách mạng công nghiệp 4.0 = Proceedings of the national scientific conference: Pre-school education in the fourth industrial revolution / Vũ Kiều Anh, Nguyễn Minh Anh, Trương Thị Kim Oanh... - Huế : Đại học Huế, 2019. - 297tr. ; 30cm

ĐTTS ghi: Đại học Huế. Trường Đại học Sư phạm. - Thư mục cuối mỗi bài

1. Giáo dục mẫu giáo 2. Hội thảo Quốc gia 3. Việt Nam 4. Kỷ yếu hội thảo  
372.2109597 - dc23

DUH0214p-CIP

**BAN TỔ CHỨC HỘI THẢO KHOA HỌC QUỐC GIA  
“GIÁO DỤC MẦM NON TRONG BỐI CẢNH CÁCH MẠNG CÔNG NGHIỆP 4.0”**

**TRƯỞNG BAN**

PGS. TS. Lê Anh Phương                      Hiệu trưởng, Trường ĐHSP, ĐH Huế

**PHÓ TRƯỞNG BAN**

PGS.TS. Nguyễn Đình Luyện              Phó Hiệu trưởng, Trường ĐHSP, ĐH Huế

**ỦY VIÊN THƯỜNG TRỰC**

TS. Nguyễn Tuấn Vĩnh                      Trưởng Khoa GDMN, Trường ĐHSP, ĐH Huế

**ỦY VIÊN**

|                             |  |
|-----------------------------|--|
| TS. Hà Viết Hải             | Trưởng Phòng KHCN và HTQT, Trường ĐHSP, ĐH Huế       |
| PGS. TS. Hoàng Thị Huế      | Phó Trưởng Phòng KHCN và HTQT, Trường ĐHSP, ĐH Huế   |
| PGS.TS. Nguyễn Bá Minh      | Vụ trưởng Vụ GDMN, Bộ Giáo dục và Đào tạo            |
| PGS.TS. Nguyễn Thị Mỹ Trinh | Giám đốc Trung tâm NC GDMN, Viện KHGD Việt Nam       |
| PGS.TS. Bùi Thị Lâm         | Trưởng Khoa GDMN, Trường ĐHSP Hà Nội                 |
| TS. Phan Thị Thu Hiền       | Trưởng Khoa GDMN, Trường ĐHSP TP Hồ Chí Minh         |
| TS. Nguyễn Thanh Tâm        | Phó Trưởng Khoa GDMN, Trường ĐHSP, ĐH Huế            |
| TS. Đặng Thị Ngọc Phượng    | Trưởng BM KHXH, Khoa GDMN, Trường ĐHSP, ĐH Huế       |
| ThS. Tạ Thị Kim Nhung       | Trưởng BM KHTN, Khoa GDMN, Trường ĐHSP, ĐH Huế       |
| ThS. Nguyễn Thùy Nhung      | Trưởng BM Nghệ thuật, Khoa GDMN, Trường ĐHSP, ĐH Huế |
| TS. Lê Hồ Sơn               | Trưởng Phòng TC - HC, Trường ĐHSP, ĐH Huế            |
| ThS. Lê Văn Huy             | GV Khoa GDMN, Trường ĐHSP, ĐH Huế                    |
| CN. Nguyễn Thanh Lâm        | Trưởng Phòng KH - TC, Trường ĐHSP, ĐH Huế            |
| ThS. Phan Hoàng Hải         | Trưởng Phòng Cơ sở vật chất, Trường ĐHSP, ĐH Huế     |
| ThS. Tôn Nữ Nhã Điền        | CV Phòng KHCN và HTQT, Trường ĐHSP, ĐH Huế           |
| ThS. Lê Thị Nhung           | GV Khoa GDMN, Trường ĐHSP, ĐH Huế                    |
| ThS. Trần Việt Nhi          | GV Khoa GDMN, Trường ĐHSP, ĐH Huế                    |

## HỘI ĐỒNG KHOA HỌC

### CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG

PGS.TS. Lê Anh Phương

Hiệu trưởng Trường ĐHSP, ĐH Huế

### PHÓ CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG

TS. Nguyễn Tuấn Vĩnh

Trưởng Khoa Giáo dục Mầm non, Trường ĐHSP, ĐH Huế

### ỦY VIÊN

PGS.TS. Nguyễn Bá Minh

Vụ trưởng Vụ Giáo dục Mầm non, Bộ Giáo dục và Đào tạo

PGS.TS. Nguyễn Thị Mỹ Trinh

Giám đốc Trung tâm NC GDMN, Viện KHGD Việt Nam

PGS.TS. Bùi Thị Lâm

Trưởng Khoa Giáo dục Mầm non, Trường ĐHSP Hà Nội

TS. Phan Thị Thu Hiền

Trưởng Khoa Giáo dục Mầm non, Trường ĐHSP TP Hồ Chí Minh

PGS.TS. Nguyễn Thị Kim Thoa

Trưởng phòng Đào tạo Đại học, Trường ĐHSP, ĐH Huế

TS. Nguyễn Thanh Hùng

Trưởng Khoa Tâm lý Giáo dục, Trường ĐHSP, ĐH Huế

TS. Nguyễn Hoài Anh

Trưởng Khoa Giáo dục Tiểu học, Trường ĐHSP, ĐH Huế

TS. Nguyễn Thanh Tâm

P. Trưởng Khoa Giáo dục Mầm non, Trường ĐHSP, ĐH Huế

TS. Đinh Thị Hồng Vân

P. Trưởng Khoa Tâm lý Giáo dục, Trường ĐHSP, ĐH Huế

PGS.TS. Trần Thị Tú Anh

Khoa Tâm lý Giáo dục, Trường ĐHSP, ĐH Huế

TS. Đặng Thị Ngọc Phượng

Khoa Giáo dục Mầm non, Trường ĐHSP, ĐH Huế

TS. Nguyễn Văn Quang

Khoa Giáo dục Chính trị, Trường ĐHSP, ĐH Huế

TS. Nguyễn Bá Phú

Khoa Tâm lý Giáo dục, Trường ĐHSP, ĐH Huế

TS. Nguyễn Thị Ngọc Bé

Khoa Tâm lý Giáo dục, Trường ĐHSP, ĐH Huế

ThS. Phạm Thị Thúy Hằng

Khoa Tâm lý Giáo dục, Trường ĐHSP, ĐH Huế

ThS. Nguyễn Thị Quỳnh Anh

Khoa Tâm lý Giáo dục, Trường ĐHSP, ĐH Huế

ThS. Nguyễn Phước Cát Tường

Khoa Tâm lý Giáo dục, Trường ĐHSP, ĐH Huế

ThS. Tạ Thị Kim Nhung

Khoa Giáo dục Mầm non, Trường ĐHSP, ĐH Huế

ThS. Lương Thị Minh Thủy

Khoa Giáo dục Mầm non, Trường ĐHSP, ĐH Huế

ThS. Lê Thị Nhung

Khoa Giáo dục Mầm non, Trường ĐHSP, ĐH Huế

ThS. Trần Việt Nhi

Khoa Giáo dục Mầm non, Trường ĐHSP, ĐH Huế

ThS. Nguyễn Huyền Trân

Khoa Du lịch, ĐH Huế

**NHÀ XUẤT BẢN ĐẠI HỌC HUẾ**

07 Hà Nội, Tp. Huế - Điện thoại: 0234.3834486; Fax: 0234.3819886

<http://nhaxuatban.hueuni.edu.vn>

---

**Chịu trách nhiệm xuất bản**

**Quyền Giám đốc:** TS. Trần Bình Tuyên

**Chịu trách nhiệm nội dung**

**Quyền Tổng biên tập:** TS. Nguyễn Chí Bảo

**Biên tập viên**

Ngô Văn Cường

**Biên tập kỹ thuật**

Tôn Nữ Quỳnh Chi

**Trình bày, minh họa**

Lê Văn Huy

**Sửa bản in**

Nhã Điền

---

**Đối tác liên kết xuất bản**

Trường Đại học Sư phạm, Đại học Huế  
32-34 Lê Lợi, thành phố Huế

---

**KỶ YẾU HỘI THẢO KHOA HỌC QUỐC GIA  
GIÁO DỤC MẦM NON  
TRONG BỐI CẢNH CÁCH MẠNG CÔNG NGHIỆP 4.0  
HUẾ, 09/03/2019**

**PROCEEDINGS OF THE NATIONAL SCIENTIFIC CONFERENCE:  
“PRE-SCHOOL EDUCATION  
IN THE FOURTH INDUSTRIAL REVOLUTION”  
HUE, MARCH 09, 2019**

In 100 bản, khổ 20.5x29.5cm tại Công ty TNHH MTV Thương mại, In và Dịch vụ Chiến Thắng, 05 Hà Nội, thành phố Huế. Số xác nhận đăng ký xuất bản: 609-2019/CXBIPH/01-06/ĐHH. Quyết định xuất bản số: 07/QĐ/ĐHH-NXB, cấp ngày 27 tháng 02 năm 2019. In xong và nộp lưu chiểu năm 2019.

ISBN: 978-604-974-119-7

## MỤC LỤC

|   |   |
|---|---|
| <b>LỜI NÓI ĐẦU</b> .....  | <b>1</b>  |
| <b>TỔ CHỨC HOẠT ĐỘNG KHÁM PHÁ KHOA HỌC CHO TRẺ MẦM NON THEO QUAN ĐIỂM GIÁO DỤC LẤY TRẺ LÀM TRUNG TÂM</b> .....                                      | <b>3</b>  |
| ORGANIZING THE SCIENTIFIC DISCOVERY ACTIVITY FOR PRESCHOOLERS TOWARDS LEARNER-CENTERED LEARNING APPROACH  |   |
|   | <i>Vũ Kiều Anh</i>  |
| <b>STEAM: KẾT HỢP KHOA HỌC VÀ NGHỆ THUẬT ĐỂ PHÁT TRIỂN TOÀN DIỆN TRẺ MẦM NON ...</b> .....  | <b>11</b>   |
| STEAM: THE COMBINATION OF SCIENCE AND ARTS FOR THE HOLISTIC DEVELOPMENT OF PRESCHOOLERS   |   |
|   | <i>Nguyễn Minh Anh, Trương Thị Kim Oanh</i>                       |
| <b>BỒI DƯỠNG CHUYÊN MÔN, NGHIỆP VỤ NHẪM NÂNG CAO NĂNG LỰC NGHỀ NGHIỆP CHO GIÁO VIÊN MẦM NON Ở LẠNG SƠN</b> .....                                    | <b>18</b>   |
| FOSTERING PROFESSIONAL SKILLS TO IMPROVE OCCUPATIONAL CAPACITY FOR PRESCHOOL TEACHERS IN LANG SON PROVINCE  |   |
|   | <i>Đặng Thế Anh</i>   |
| <b>TRÍ TUỆ CẢM XÚC CỦA SINH VIÊN NGÀNH GIÁO DỤC MẦM NON, TRƯỜNG ĐẠI HỌC THỦ DẦU MỘT</b> .....   | <b>28</b>   |
| EMOTIONAL INTELLIGENCE OF PRE-SCHOOL EDUCATION STUDENTS IN THU DAU MOT UNIVERSITY   |   |
|   | <i>Nguyễn Thị Tuấn Anh</i>  |
| <b>SỬ DỤNG KỸ THUẬT PHÂN TÍCH VIDEO TRONG GIẢNG DẠY CÁC MÔN CHUYÊN NGÀNH CHO SINH VIÊN SƯ PHẠM MẦM NON</b> .....                                    | <b>34</b>   |
| USING VIDEO ANALYSIS TECHNIQUES IN TEACHING THE SPECIALIZED SUBJECTS FOR PRESCHOOL PEDAGOGICAL STUDENTS   |   |
|   | <i>Phạm Thị Vân Anh</i>   |
| <b>GIÁO DỤC KỸ NĂNG SỐNG CHO TRẺ MẪU GIÁO 5 TUỔI Ở CÁC TRƯỜNG MẦM NON QUẬN TÂN PHÚ, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH</b> .....                                 | <b>42</b>   |
| LIFE SKILLS EDUCATION FOR 5-YEAR-OLD CHILDREN AT KINDERGARTENS IN TAN PHU DISTRICT, HO CHI MINH CITY  |   |
|   | <i>Phạm Thị Ngọc Ánh</i>  |
| <b>RÈN LUYỆN KỸ NĂNG THIẾT KẾ HOẠT ĐỘNG HỌC CHO SINH VIÊN SƯ PHẠM MẦM NON</b> .....   | <b>51</b>   |
| TRAINING THE LESSON PLANNING SKILL FOR PRESCHOOL EDUCATION STUDENTS   |   |
|   | <i>Phan Thị Thúy Hằng, Lê Thị Hồng Phương, Nguyễn Thị Trâm Ca</i> |
| <b>THỰC TRẠNG ỨNG DỤNG CÔNG NGHỆ THÔNG TIN TRONG THỰC TẬP SƯ PHẠM CỦA SINH VIÊN NGÀNH GIÁO DỤC MẦM NON Ở TRƯỜNG CAO ĐẲNG SƯ PHẠM NAM ĐỊNH</b> ..... | <b>57</b>   |
| THE REALITY OF INFORMATION TECHNOLOGY APPLICATION IN PEDAGOGICAL PRACTICE OF PRESCHOOL EDUCATION STUDENTS AT NAM DINH TEACHERS' TRAINING COLLEGE    |   |
|   | <i>Đỗ Thị Hiền, Phạm Thị Nhạn</i>                                 |

**NGHIÊN CỨU KHUNG NĂNG LỰC GIÁO VIÊN MẦM NON CÁC NƯỚC ASEAN VÀ ĐỊNH HƯỚNG PHÁT TRIỂN GIÁO VIÊN MẦM NON Ở VIỆT NAM .....64**

A STUDY OF ASEAN EARLY CHILDHOOD EDUCATION TEACHER COMPETENCY FRAMEWORK AND ORIENTATION OF EARLY CHILDHOOD EDUCATION TEACHER DEVELOPMENT IN VIETNAM

*Nguyễn Thị Thu Hiền, Hoàng Anh Tuấn*

**THIẾT KẾ TRÒ CHƠI TẠO HÌNH KÍCH THÍCH KHẢ NĂNG TƯỞNG TƯỢNG SÁNG TẠO CHO TRẺ MẪU GIÁO 5-6 TUỔI .....74**

DESIGNING SHAPE-MADE GAMES TO DEVELOP THE CREATIVE IMAGINATIONS OF 5-6-YEAR-OLD PRESCHOOLERS

*Lê Văn Huy*

**GIÁO DỤC HÒA NHẬP TRẺ KHUYẾT TẬT TRÍ TUỆ Ở CÁC TRƯỜNG MẦM NON TỈNH THANH HÓA.....82**

INCLUSIVE EDUCATION FOR CHILDREN WITH INTELLECTUAL DISABILITIES IN KINDERGARTENS AT THANH HOA PROVINCE

*Hồ Sỹ Hùng*

**XÂY DỰNG CHƯƠNG TRÌNH LÀM QUEN VỚI TIẾNG ANH CHO TRẺ MẪU GIÁO 3-6 TUỔI TẠI TRƯỜNG MẦM NON.....88**

DESIGNING ENGLISH CURRICULUM FOR 3 TO 6 YEAR-OLD PRESCHOOLERS AT KINDERGARTEN

*Vũ Thị Hương*

**BIỆN PHÁP NÂNG CAO CHẤT LƯỢNG GIẢNG DẠY HỌC PHẦN VỀ SINH - DINH DƯỠNG CHO SINH VIÊN NGÀNH GIÁO DỤC MẦM NON Ở TRƯỜNG CAO ĐẲNG VINH PHÚC .....95**

SOLUTIONS TO IMPROVE THE TEACHING QUALITY OF MODULE “HYGIENE - NUTRITION” FOR PRESCHOOL EDUCATION STUDENTS AT VINH PHUC COLLEGE

*Nguyễn Thị Mai Hương*

**VẬN DỤNG MÔ HÌNH “LỚP HỌC ĐẢO NGƯỢC” TRONG ĐỔI MỚI DẠY HỌC HỌC PHẦN “TÂM LÝ HỌC TRẺ EM LỨA TUỔI MẦM NON” .....100**

APPLYING THE FLIPPED CLASSROOM MODEL TO INNOVATE TEACHING THE MODULE “CHILD PSYCHOLOGY”

*Nguyễn Thị Hồng Lam*

**RÈN LUYỆN KỸ NĂNG THIẾT KẾ VÀ SỬ DỤNG BẢN ĐỒ TƯ DUY CHO SINH VIÊN TRONG HỌC PHẦN “PHƯƠNG PHÁP CHO TRẺ MẦM NON KHÁM PHÁ KHOA HỌC VỀ MÔI TRƯỜNG XUNG QUANH” .....107**

TRAINING THE SKILL OF DESIGNING AND USING MINDMAP FOR STUDENTS THROUGH THE SUBJECT “METHODS OF ORGANIZING THE SURROUNDING ENVIRONMENT’S SCIENCE DISCOVERY ACTIVITY FOR PRESCHOOLERS”

*Nguyễn Thị Swong Lan, Phan Thị Thúy Hằng*

**CUỘC CÁCH MẠNG CÔNG NGHIỆP 4.0 VÀ VẤN ĐỀ ĐÀO TẠO, BỒI DƯỠNG GIÁO VIÊN MẦM NON.....114**

INDUSTRIAL REVOLUTION 4.0 AND THE TRAINING AND RETRAINING OF PRE-SCHOOL TEACHERS

*Trần Nguyên Lập*

**THỰC TRẠNG VÀ BIỆN PHÁP RÈN LUYỆN KỸ NĂNG LẬP KẾ HOẠCH HỌC TẬP CỦA SINH VIÊN KHOA GIÁO DỤC MẦM NON, TRƯỜNG ĐẠI HỌC SƯ PHẠM, ĐẠI HỌC HUẾ ..... 122**  
 REALITY AND SOLUTIONS TO PRACTICE LEARNING PLANNING SKILL FOR STUDENTS AT FACULTY OF PRESCHOOL EDUCATION, UNIVERSITY OF EDUCATION, HUE UNIVERSITY

*Trần Thị Thủy Thương Ngọc*

**ỨNG PHÓ VỚI CƠN CÁU GIẬN Ở TRẺ CHẬP CHỮNG THEO PHƯƠNG PHÁP CỦA HARVEY KARP - MỘT SỐ GỢI Ý KHI ÁP DỤNG VỚI TRƯỜNG HỢP TRẺ VIỆT NAM ..... 127**  
 K. HARVEY'S METHOD IN DEALING WITH TANTRUMS OF TODDLERS - SOME SUGGESTIONS ON APPLYING TO THE CASES OF VIETNAMESE CHILDREN

*Lê Thị Thanh Nhân*

**CÔNG TÁC THỰC TẬP SƯ PHẠM CỦA SINH VIÊN NGÀNH GIÁO DỤC MẦM NON Ở TRƯỜNG CAO ĐẲNG SƯ PHẠM NAM ĐỊNH ..... 135**  
 THE REALITY OF PEDAGOGICAL PRACTICE OF PRESCHOOL EDUCATION STUDENTS AT NAM ĐỊNH TEACHERS' TRAINING COLLEGE

*Phạm Thị Nhạn*

**CẢI BIÊN TRÒ CHƠI DÂN GIÀN CHO TRẺ MẦM NON ..... 141**  
 REDESIGNING FOLK GAMES FOR PRESCHOOLERS

*Trần Việt Nhi*

**XÂY DỰNG DỰ ÁN HỌC TẬP HỌC PHẦN “PHƯƠNG PHÁP TỔ CHỨC HOẠT ĐỘNG KHÁM PHÁ MÔI TRƯỜNG XUNG QUANH CHO TRẺ MẦM NON” ..... 148**  
 DEVELOPING LEARNING PROJECT OF “METHODS FOR ORGANIZING PRESCHOOLERS' DISCOVERY ACTIVITY ABOUT THE SURROUNDING ENVIRONMENT”

*Lê Thị Nhung, Nguyễn Thị Bích Thảo*

**LỒNG GHÉP GIÁO DỤC AN TOÀN VÀ PHÒNG TRÁNH TAI NẠN THƯƠNG TÍCH CHO TRẺ MẪU GIÁO TRONG HOẠT ĐỘNG HỌC Ở TRƯỜNG MẦM NON ..... 157**  
 INTEGRATING OF SAFETY EDUCATION AND INJURY PREVENTION FOR CHILDREN IN LEARNING ACTIVITIES AT PRESCHOOL

*Tạ Thị Kim Nhung, Trương Thị Thanh Hoài*

**GIÁO DỤC ỨNG PHÓ VỚI BIẾN ĐỔI KHÍ HẬU CHO TRẺ MẪU GIÁO TRONG HOẠT ĐỘNG KHÁM PHÁ MÔI TRƯỜNG XUNG QUANH ..... 162**  
 EDUCATION TO RESPOND TO CLIMATE CHANGE FOR PRESCHOOLERS IN THE SURROUNDING ENVIRONMENT DISCOVERY ACTIVITY

*Tạ Thị Kim Nhung, Nguyễn Thị Bích Thảo, Tưởng Thị Quỳnh Nga*

**PHÁT TRIỂN NGHỀ NGHIỆP CHO GIÁO VIÊN MẦM NON TRONG HỖ TRỢ TRẺ CÓ NHU CẦU ĐẶC BIỆT Ở ÚC ..... 167**  
 PROFESSIONAL DEVELOPMENT AND LEARNING ON SUPPORTING STUDENTS WITH SPECIAL NEEDS FOR AUSTRALIAN EARLY CHILDHOOD TEACHERS

*Phạm Thị Quỳnh Ni, Nguyễn Thị Quỳnh Anh, Đinh Thị Hồng Vân, Nguyễn Tuấn Vĩnh*

**VUI CHƠI ANJI - MÔ HÌNH GIÁO DỤC TRẢ LẠI QUYỀN ĐƯỢC VUI CHƠI THỰC SỰ CHO TRẺ EM TẠI TRUNG QUỐC ..... 176**  
 ANJI PLAY - EDUCATIONAL MODEL RETURNS THE RIGHT TO PLAY TO CHILDREN IN CHINA

*Nguyễn Thị Ngọc Nuôi*



**XÂY DỰNG BỘ CÔNG CỤ BẢNG TRANH VẼ NHẪM ĐÁNH GIÁ MỨC ĐỘ TỰ NHẬN THỨC CỦA TRẺ MẪU GIÁO 5-6 TUỔI.....181**  
 CONSTRUCTING A PICTORIAL TOOLKIT TO ASSESS THE SELF-AWARENESS OF 5-6-YEAR-OLD PRESCHOOLERS

*Hoàng Thanh Phương, Nguyễn Thị Hồng Vân*

**PHÁT TRIỂN NGÔN NGỮ CHO TRẺ MẪU GIÁO THÔNG QUA HOẠT ĐỘNG TRẢI NGHIỆM Ở TRƯỜNG MẦM NON.....189**  
 DEVELOPING LANGUAGE FOR PRESCHOOLERS THROUGH EXPERIENCING ACTIVITIES AT KINDERGARTEN

*Đặng Thị Ngọc Phượng*

**SỰ TƯƠNG TÁC GIỮA TRẺ MẦM NON VỚI VĂN HỌC TRONG BỐI CẢNH CÁCH MẠNG 4.0....196**  
 THE INTERACTION OF PRESCHOOLERS WITH LITERATURE IN THE CONTEXT OF THE FOURTH INDUSTRIAL REVOLUTION

*Nguyễn Thanh Tâm*

**NĂNG LỰC THÍCH ỨNG NGHỀ NGHIỆP CỦA GIÁO VIÊN MẦM NON TẠI TỈNH NAM ĐỊNH.....205**  
 CAREER ADAPTING CAPACITY OF PRESCHOOL TEACHERS IN NAM ĐỊNH PROVINCE

*Lê Văn Thắng*

**VAI TRÒ CỦA GIÁO VIÊN ĐỐI VỚI GIÁO DỤC GIÁ TRỊ SỐNG - KỸ NĂNG SỐNG CHO TRẺ Ở TRƯỜNG MẦM NON.....212**  
 THE ROLE OF TEACHERS IN LIVING VALUES- LIFE SKILLS EDUCATION FOR PRESCHOOLERS IN KINDERGARTEN

*Trần Thị Lệ Thu*

**RÈN LUYỆN TƯ DUY THUẬT TOÁN CHO TRẺ MẦM NON .....216**  
 PRACTICING ALGORITHM THINKING FOR PRESCHOOLERS

*Phạm Quang Thuận*

**THỰC TRẠNG VÀ BIỆN PHÁP PHÁT TRIỂN NHÓM TRẺ GIA ĐÌNH TẠI CÁC KHU CÔNG NGHIỆP THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH .....221**  
 REALITY AND SOLUTION DEVELOPING FAMILY CHILDCARE GROUPS IN THE INDUSTRIAL ZONES IN HO CHI MINH CITY

*Phạm Bích Thủy*

**NÂNG CAO CHẤT LƯỢNG GIẢNG DẠY HỌC PHẦN “PHƯƠNG PHÁP CHO TRẺ MẦM NON LÀM QUEN VỚI TOÁN” TRONG CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO GIÁO VIÊN MẦM NON.....226**  
 IMPROVING THE TEACHING QUALITY OF THE MODULE “METHODS FOR GETTING PRESCHOOLERS ACQUAINTED WITH MATHS” IN THE PRESCHOOL TEACHERS TRAINING CURRICULUM

*Lương Thị Minh Thủy*

**RÈN LUYỆN MỘT SỐ KỸ NĂNG SỬ DỤNG MÁY TÍNH CHO SINH VIÊN THÔNG QUA HỌC PHẦN “ỨNG DỤNG CÔNG NGHỆ THÔNG TIN TRONG GIÁO DỤC MẦM NON” .....231**  
 TRAINING SOME COMPUTER USE SKILLS FOR STUDENTS THROUGH THE SUBJECT “APPLYING INFORMATION TECHNOLOGY IN PRESCHOOL EDUCATION”

*Phạm Thanh Thủy*

**MỘT SỐ VẤN ĐỀ LÝ LUẬN VỀ RÈN LUYỆN KỸ NĂNG TIỀN ĐỌC CHO TRẺ 5-6 TUỔI ..... 238**  
 SOME THEORETICAL ISSUES ABOUT PRACTISING PRE-READING SKILLS FOR 5-6-YEAR-OLD CHILDREN

*Nguyễn Thị Triều Tiên*

**DIARY KID - PHẦN MỀM HỖ TRỢ QUẢN LÝ TRƯỜNG MẦM NON..... 246**  
 DIARY KID - THE SOFTWARE SUPPORT ADMINISTRATING KINDERGARTEN

*Lê Quang Tuấn, Nguyễn Thị Thúy Hạnh*

**THỰC HÀNH TỈNH TÂM CHO TRẺ EM LỨA TUỔI MẦM NON - NHÌN TỪ CÁC NGHIÊN CỨU THỰC CHỨNG ..... 257**  
 MINDFUL AWARENESS PRACTICES FOR PRE-SCHOOLERS - FROM AN EVIDENCE-BASED RESEARCH PERSPECTIVE

*Nguyễn Phước Cát Tường, Trần Thị Tú Anh, Đinh Thị Hồng Vân, Nguyễn Tuấn Vĩnh*

**TƯƠNG QUAN GIỮA VIỆC TIẾP XÚC SỚM VỚI MÀN HÌNH VÀ CHẬM PHÁT TRIỂN NGÔN NGỮ Ở TRẺ MẦM NON: TỔNG QUAN TỪ MỘT SỐ NGHIÊN CỨU NƯỚC NGOÀI ..... 270**  
 RELATIONSHIP BETWEEN EARLY EXPOSURE TO SCREEN AND LANGUAGE DELAY IN PRESCHOOLERS: A REVIEW OF THE INTERNATIONAL RESEARCH

*Nguyễn Bảo Uyên*

**KỸ NĂNG TỰ PHỤC VỤ CỦA TRẺ 4-5 TUỔI..... 278**  
 SELF - HELP SKILLS OF 4-5 YEAR-OLD CHILDREN

*Nguyễn Tuấn Vĩnh, Nguyễn Thị Thảo*

**PHÁT TRIỂN NĂNG LỰC TỔ CHỨC HOẠT ĐỘNG PHÁT TRIỂN NGÔN NGỮ Ở TRƯỜNG MẦM NON THEO HƯỚNG LẤY TRẺ LÀM TRUNG TÂM. .... 287**  
 DEVELOPING CAPACITY ORGANIZING THE LANGUAGE DEVELOPMENT ACTIVITY IN KINDERGARTEN TOWARDS CHILD-CENTERED APPROACH

*Trần Thị Hoàng Yến*

## KỸ NĂNG TỰ PHỤC VỤ CỦA TRẺ 4-5 TUỔI

**Nguyễn Tuấn Vĩnh**

Trường Đại học Sư phạm, Đại học Huế

*nguyentuanvinh@dhsphue.edu.vn*

**Nguyễn Thị Thảo**

Trường Mầm non An Hoà, Thành phố Huế

*thaothaonguyen92@gmail.com*

**Tóm tắt:** Kỹ năng tự phục vụ (KN TPV) là một trong những kỹ năng sống (KNS) có vai trò quan trọng đối với cá nhân mỗi người, đặc biệt trẻ ở lứa tuổi 4-5. Kết quả nghiên cứu trên 60 trẻ 4-5 tuổi ở 2 trường trên địa bàn Thừa Thiên Huế cho thấy KN TPV của trẻ ở độ tuổi này đang bước đầu được hình thành. Tùy độ khó ở mỗi KN cụ thể mà trẻ thực hiện ở các mức độ khác nhau. Không có sự khác biệt có ý nghĩa thống kê về KN TPV của trẻ theo địa bàn nghiên cứu, nhưng đã tìm thấy sự khác biệt có ý nghĩa thống kê ở một số KN thành phần theo giới tính.

**Từ khóa:** Kỹ năng tự phục vụ, trẻ 4-5 tuổi, giáo dục kỹ năng sống.

### 1. MỞ ĐẦU

KNS là đề tài được quan tâm nghiên cứu nhiều từ cuối thế kỷ XX đến nay, bởi lẽ nó được xác định là yếu tố giữ vai trò quan trọng trong sự thành công của mỗi người. KNS còn có thể được gọi là KN mềm (soft skill)... Có rất nhiều nghiên cứu được tiến hành ở các nước về những KN cơ bản góp phần vào sự thành công của công việc mà trong đó chủ yếu là những KNS (Nguyễn Quang Uân, 2009). Giáo dục KNS được tiếp cận và bước đầu triển khai trong hệ thống giáo dục không chính quy ở nước ta cách đây hơn 10 năm, đến nay, cũng đã có một số tài liệu, đề tài nghiên cứu về KNS, như cuốn “*Bạn trẻ và kỹ năng sống*” (Huỳnh Văn Sơn, 2009), “*Giáo dục giá trị sống và kỹ năng sống cho trẻ mầm non*” (Nguyễn Thị Mỹ Lộc và cs., 2010), “*Giáo trình chuyên đề giáo dục kỹ năng sống*” (Nguyễn Thanh Bình, 2011), “*Giáo dục Kỹ năng sống cho trẻ mẫu giáo*” (Lê Thị Bích Ngọc, 2013)...

Dù là một thành phần quan trọng trong KNS, nhưng, KN TPV ở trẻ lại ít được đi sâu nghiên cứu. KN TPV có nội hàm tương tự một số khái niệm khác trong các nghiên cứu của các nhà khoa học như KN tự chăm sóc (self-care skills), KN độc lập (independent skills)... Karen Stephens (2003) đã nêu nội dung KN TPV của trẻ gồm: rửa tay trước khi ăn, sau khi đi vệ sinh và sau khi chơi xong, tự ăn, tự đi ngủ, tự mặc quần áo,... và cho rằng thời điểm tốt nhất để GD KN TPV cho trẻ là lúc trẻ có khả năng cầm nắm đồ vật. K. D. Usinski đã có dịp nghiên cứu về KNTPV, nhưng cũng chỉ trong khuôn khổ của việc nghiên cứu khả năng tự lập của trẻ gắn với lao động. Ông cho rằng muốn giáo dục khả năng tự lập trước hết cần phải làm sao cho trẻ có niềm say mê với lao động, phải khơi gợi cho trẻ ý thức tích cực về lao động và con người lao động, phải thúc đẩy trẻ tham gia vào lao động, tập lao động trong cuộc sống sinh hoạt hàng ngày, từ những việc đơn giản, tới các việc phức tạp hơn trong khả năng có thể của chúng. Hay Nhechaeva trong “*Giáo dục trẻ mẫu giáo trong lao động*” (1979) đã khẳng định: Lao động tự phục vụ đối với trẻ nhỏ như ăn mặc, vệ sinh cá nhân, giúp người lớn làm những công việc vừa sức,... là biện pháp tốt nhất để hình thành khả năng tự lập cho trẻ. Khi trẻ đã biết lao động TPV thì ít hay nhiều trẻ cũng giảm dần sự phụ thuộc vào người lớn. Từ năm 1999 đến nay, chỉ một số ít luận văn thạc sỹ, luận án tiến sỹ liên quan tới KNTPV của trẻ được thực hiện. Ngoài ra, cũng có một số tác giả nghiên cứu về KNTPV cụ thể như KN tự xúc ăn, KN tự mặc áo quần,... hoặc cũng có thể là một KN nhỏ trong các KN này. Đồng thời,

tất cả những công trình nghiên cứu của các tác giả mới đi sâu vào nghiên cứu tính tự lực, tính độc lập của trẻ, chưa đề cập tới KNTPV của trẻ 4-5 tuổi ở trường mầm non, và những tác giả này cũng chưa đi sâu vào nghiên cứu thực trạng của các trường mầm non cụ thể để đưa ra biện pháp giáo dục nhằm phát triển KNTPV cho trẻ.

## 2. KHÁCH THỂ VÀ PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU

### 2.1. Khách thể nghiên cứu

Khách thể trong nghiên cứu này là 60 trẻ 4-5 tuổi ở Mầm non 2, thành phố Huế và trường Mầm non Hương Hồ, huyện Hương Trà, Thừa Thiên Huế.

### 2.2. Phương pháp nghiên cứu

Phương pháp nghiên cứu là điều tra bằng bảng hỏi thông quan phỏng vấn phụ huynh. Bảng hỏi gồm 15 item đánh giá 13 KN thuộc 3 nhóm: KNTPV trong vệ sinh cá nhân; KNTPV trong ăn uống và KNTPV trong trang phục. Mỗi KN được liệt kê theo mức độ biểu hiện cao nhất là TPV hoàn toàn đến mức độ biểu hiện thấp nhất là hoàn toàn không thể tự mình thực hiện. Phỏng vấn phụ huynh từ mức độ cao nhất và dừng lại ở mức độ trẻ có hành vi thực hiện KN đó.

Kiểm định chỉ số Cronbach's Alpha toàn bảng hỏi trên toàn bộ mẫu đạt 0,91. Như vậy, độ tin cậy của công cụ nghiên cứu đảm bảo.

Sử dụng phần mềm SPSS 20.0 để tính toán số lượng, tỷ lệ (%) và kiểm định phi tham số Mann-Whitney.

## 3. KẾT QUẢ NGHIÊN CỨU

### 3.1. Kỹ năng tự phục vụ trong vệ sinh cá nhân

KNTPV trong vệ sinh cá nhân được thể hiện qua các công việc cụ thể sau: rửa tay, tắm, đánh răng, chải tóc, đi vệ sinh. Kết quả khảo sát được thể hiện trong bảng số liệu dưới đây:

Bảng 1. Kết quả đánh giá KNTPV trong vệ sinh cá nhân

| Kỹ năng   | Số lượng | Tỷ lệ (%) | Thứ bậc |
|---|----------|-----------|---------|
| <b>Kỹ năng rửa tay</b>                            |          |           |         |
| Rửa tay sạch sẽ, đúng quy trình tại các thời điểm | 10       | 16,7      | 3       |
| Rửa tay sạch sẽ, đúng quy trình khi có nhắc nhở   | 28       | 46,7      | 1       |
| Rửa qua loa khi có người nhắc, cần rửa lại        | 21       | 35,0      | 2       |
| Người lớn rửa giúp hoàn toàn                      | 1        | 1,7       | 4       |
| <b>Kỹ năng tắm</b>                                |          |           |         |
| Tự giác tắm một mình                              | 4        | 6,7       | 4       |
| Tắm một mình khi có người nhắc                    | 15       | 25,0      | 2       |
| Tắm khi có người giúp một phần                    | 33       | 55,0      | 1       |
| Người lớn tắm giúp hoàn toàn                      | 8        | 13,3      | 3       |
| <b>Kỹ năng đánh răng</b>                          |          |           |         |
| Tự giác đánh răng sạch sẽ khi cần thiết           | 4        | 6,7       | 4       |
| Đánh răng khi có người nhắc                       | 21       | 35,0      | 2       |
| Đánh răng khi có người giúp                       | 29       | 48,3      | 1       |
| Người lớn đánh giúp hoàn toàn                     | 5        | 8,3       | 3       |
| Không đánh răng                                   | 1        | 1,7       | 5       |
| <b>Kỹ năng chải tóc</b>                           |          |           |         |
| Tự giác chải tóc                                  | 10       | 16,7      | 4       |
| Chải khi có người nhắc                            | 11       | 18,3      | 3       |

|  |    |      |   |
|--|----|------|---|
| Chải qua loa khi có người nhắc, cần chải lại | 12 | 20,0 | 2 |
| Người lớn chải giúp hoàn toàn                | 17 | 28,3 | 1 |
| Không chải tóc                               | 10 | 16,7 | 4 |
| <b>Kỹ năng đi vệ sinh</b>                    |    |      |   |
| Tự đi trợn vện, gọn gàng, sạch sẽ            | 13 | 21,7 | 2 |
| Đi trợn vện, gọn gàng, sạch sẽ khi được nhắc | 12 | 20,0 | 3 |
| Đi được khi có người giúp đỡ                 | 32 | 53,3 | 1 |
| Người lớn giúp hoàn toàn, không tự đi được   | 3  | 5,0  | 4 |

### **Kỹ năng rửa tay**

Nhìn chung, trẻ 4-5 tuổi có thể rửa tay sạch sẽ, đúng quy trình nhưng số lượng trẻ tự giác thực hiện còn thấp, phần lớn trẻ chỉ thực hiện khi được nhắc nhở. Điều này cho thấy KN rửa tay của trẻ tốt, tuy nhiên ý thức tự giác thực hiện chưa cao, chưa tự nhận ra nhu cầu rửa tay ở các thời điểm cần thiết. Đây cũng chính là đặc điểm nổi bật của trẻ ở tuổi 4-5, làm tốt các KN mang tính vận động nhưng chưa hình thành được thói quen. Bên cạnh một số trẻ có KN tốt, một số khác chỉ có thể rửa qua loa khi có nhắc nhở và cần rửa lại, đồng nghĩa với việc trẻ còn phụ thuộc nhiều vào người lớn. Đặc biệt, trong số 60 trẻ khảo sát, có 1 trẻ không tự rửa tay được, người lớn rửa giúp hoàn toàn. Chúng tôi có sự tiếp xúc trực tiếp với trẻ này và nhận thấy trẻ thụ động trong tất cả mọi việc, giáo viên làm thay trẻ trong mọi hoàn cảnh (rửa tay trước khi ăn, sau khi đi vệ sinh và khi tay bẩn...).

### **Kỹ năng tắm**

Hầu như trẻ 4-5 tuổi chỉ tắm được khi có sự giúp đỡ của người lớn. Cụ thể, hơn một nửa số lượng trẻ tắm được khi có người lớn giúp một phần: dội nước, xoa xà phòng, lau khô... 1/4 trẻ tắm được một mình khi có người nhắc. Trẻ 4-5 tuổi chưa thể làm những công việc gồm nhiều giai đoạn khác nhau do khả năng tập trung chú ý và phân phối sức của trẻ chưa cao. Vì thế, không quá bất ngờ khi có một số trẻ được người lớn tắm giúp hoàn toàn. Đa số phụ huynh cho rằng, trẻ còn nhỏ nên cứ để người lớn tắm thay cho nhanh, không nhất thiết phải yêu cầu trẻ tự tắm. Điều này cho thấy gia đình không tạo cơ hội hình thành KN cho trẻ. Tuy vậy, vẫn có 4 trong tổng số 60 trẻ khảo sát đạt mức cao nhất trong KN tắm: tự giác tắm một mình. Mặc dù có kết quả đánh giá khá tích cực nhưng thực tế trẻ vẫn cần đến sự giúp đỡ của người lớn như chuẩn bị nước (nóng/lạnh), nhắc nhở lau khô, cọ sạch...

### **Kỹ năng đánh răng**

Có thể thấy gần như tất cả trẻ 4-5 tuổi đều đánh răng nhưng số lượng trẻ tự giác thực hiện còn thấp, phần đông cần người lớn nhắc hoặc giúp một phần. Theo quan sát và phỏng vấn trực tiếp, phụ huynh cho biết họ thường giúp trẻ lấy nước, lấy kem sẵn vào bàn chải, hoặc nhắc trẻ không được nuốt nước súc miệng... Đây là một KN không khó đối với trẻ 4-5 tuổi nên ít trường hợp người lớn đánh giúp hoàn toàn. Tuy nhiên, vẫn có một trường hợp trẻ không đánh răng. Giáo viên đứng lớp cho biết trẻ mắc tự kỷ dạng nhẹ nên hầu như không có những KNTPV cần thiết như các bạn cùng tuổi. Đồng thời, gia đình ít quan tâm đến bé nên đến tuổi này mà trẻ vẫn chưa đánh răng dù ở lớp đã được học về cách đánh răng.

### **Kỹ năng chải tóc**

Những con số cụ thể cho thấy KN chải tóc của trẻ được phân bố đều, không tập trung và không có sự chênh lệch lớn ở các mức độ. Nhìn chung, trẻ chải tóc khi có người lớn giúp, nhưng mức độ giúp đỡ khác nhau: người lớn chải giúp hoàn toàn chiếm số lượng lớn nhất, 20% trẻ được người lớn chải giúp một phần, 18,3% trẻ tự chải nhưng có người nhắc. Vẫn có một số ít trẻ tự giác chải tóc, bằng với số lượng này là số trẻ không chải tóc. Tìm hiểu nhóm

trẻ không chải tóc, chúng tôi có kết quả cụ thể như sau: 9/10 trẻ không chải tóc là nam, 1 trẻ còn lại là nữ. Theo phỏng vấn của chúng tôi với phụ huynh trẻ ở nhóm “không chải tóc”, nguyên nhân trẻ không chải tóc là do 9/10 trẻ nam là tóc ngắn, không cần chải, và trường hợp nữ còn lại cũng tóc ngắn. Như vậy, không thể kết luận trẻ không có KN này.

### **Kỹ năng đi vệ sinh**

Phần đông trẻ 4-5 tuổi đi vệ sinh với sự giúp đỡ của người lớn, như kéo quần giúp, giặt nước, vệ sinh sau khi đi... Điều này cho thấy KN đi vệ sinh của trẻ chưa thực sự tốt, trẻ chưa nắm được quy trình đi và những việc cần phải làm, vẫn còn phụ thuộc nhiều vào người lớn. Bên cạnh đó, một số trẻ có thể tự giác đi được một cách gọn gàng, sạch sẽ và cũng có một số trẻ tự đi được khi có người nhắc. Với điều tra này, có 3 trẻ không tự đi được và người lớn giúp hoàn toàn. Với độ tuổi 4-5, đây được xem là những trường hợp đặc biệt, ở lớp những trẻ này thường xuyên đi trong quần và giáo viên phải giúp hoàn toàn. Trong quá trình điều tra, chúng tôi biết được những trẻ yếu ở KN này đa phần là những trẻ yếu ở những KN khác: tắm, đánh răng, chải tóc, rửa tay...

Như vậy, trẻ 4-5 tuổi trong phạm vi nghiên cứu thực hiện KNTPV trong vệ sinh cá nhân ở mức độ trung bình, nghĩa là hầu như trẻ thực hiện được với sự giúp đỡ, nhắc nhở của người lớn. Các KN này chưa thực sự bền vững và chưa trở thành thói quen hàng ngày được do trẻ thực hiện không đều đặn mà chỉ ở mức “thỉnh thoảng”.

### **3.2. Kỹ năng tự phục vụ trong ăn uống**

KN TPV trong ăn uống được thể hiện qua các công việc trước/trong/sau khi ăn, cụ thể như sau: chuẩn bị và dọn dụng cụ ăn, ăn, nấu ăn, uống nước, vệ sinh dụng cụ sau khi uống. Kết quả được thể hiện ở bảng 2.

Bảng 2. Kết quả đánh giá KNTPV trong ăn uống

| <b>Kỹ năng</b>   | <b>Số lượng</b> | <b>Tỷ lệ (%)</b> | <b>Thứ bậc</b> |
|--|-----------------|------------------|----------------|
| <b>Kỹ năng chuẩn bị và dọn dụng cụ ăn</b>                                  |                 |                  |                |
| Tự soạn/dọn bàn ăn/dụng cụ ăn gọn gàng                                     | 4               | 6,7              | 3              |
| Soạn/dọn bàn ăn/dụng cụ ăn gọn gàng khi có người nhắc                      | 19              | 31,7             | 1              |
| Cùng người lớn soạn/dọn bàn ăn/dụng cụ ăn gọn gàng                         | 18              | 30,0             | 2              |
| Người lớn làm thay hoàn toàn   | 19              | 31,7             | 1              |
| <b>Kỹ năng ăn</b>  |                 |                  |                |
| Tự ăn gọn gàng   | 12              | 20,0             | 3              |
| Ăn gọn gàng nhưng cần người lớn giám sát                                   | 29              | 48,3             | 1              |
| Tự ăn nhưng rơi vãi nhiều  | 13              | 21,7             | 2              |
| Người lớn cho ăn hoàn toàn   | 6               | 10,0             | 4              |
| <b>Kỹ năng nấu ăn</b>  |                 |                  |                |
| Làm tốt các công việc như đập/đánh trứng, nhặt/rửa rau...                  | 0               | 0                | 4              |
| Biết đập/đánh trứng, nhặt/rửa rau,... nhưng người lớn phải làm lại         | 6               | 10,0             | 3              |
| Tham gia vào các công việc đập/đánh trứng, nhặt/rửa rau,... khi có yêu cầu | 7               | 11,7             | 2              |
| Không tham gia vào công việc nấu ăn  | 47              | 78,3             | 1              |
| <b>Kỹ năng uống nước</b>   |                 |                  |                |
| Tự rót và uống nước bằng cốc một cách gọn gàng                             | 38              | 63,3             | 1              |
| Tự rót và uống nước bằng cốc nhưng rơi vãi nhiều                           | 8               | 13,3             | 3              |
| Uống được bằng cốc nhưng cần sự giúp đỡ của người lớn                      | 14              | 23,3             | 2              |
| Không uống được bằng cốc   | 0               | 0                | 4              |
| <b>Kỹ năng vệ sinh đồ dùng sau khi uống của trẻ</b>                        |                 |                  |                |

|  |    |      |   |
|--|----|------|---|
| Tự rửa và đặt cốc đúng nơi quy định                | 10 | 16,7 | 3 |
| Rửa và đặt cốc đúng nơi quy định khi có người nhắc | 11 | 18,3 | 2 |
| Đặt đúng nơi quy định nhưng không rửa              | 25 | 41,7 | 1 |
| Không rửa và không đặt đúng nơi quy định           | 10 | 16,7 | 3 |
| Uống xong đưa cốc cho người lớn                    | 4  | 6,7  | 4 |

### ***Kỹ năng chuẩn bị và dọn dụng cụ ăn***

Từ những con số cụ thể, có thể thấy chuẩn bị và dọn dụng cụ ăn là một KN khó đối với trẻ 4-5 tuổi. Hầu hết trẻ soạn/dọn bàn ăn/dụng cụ ăn với sự giúp đỡ của người lớn, hoặc người lớn làm thay hoàn toàn, chỉ một số rất ít trẻ có khả năng tự soạn/dọn bàn ăn/dụng cụ ăn một cách gọn gàng. Khi nghiên cứu KN này, chúng tôi tiến hành quan sát trẻ vào giờ ăn ở trường mầm non thực hiện khảo sát, kết quả quan sát khác hẳn với kết quả thu được từ phiếu điều tra của phụ huynh: tất cả trẻ đều tham gia soạn/dọn bàn ăn/dụng cụ ăn, trẻ cùng nhau kê bàn ghế, tự mang thức ăn về chỗ ngồi của mình, ăn xong trẻ tự cất chén bát và bàn ghế. Phụ huynh cho biết, ở nhà trẻ thường ăn riêng nên dụng cụ ăn uống không nhiều, phụ huynh sẵn sàng giúp trẻ chuẩn bị và dọn dụng cụ ăn để công việc nhanh hơn, phụ huynh không yêu cầu và hình thành KN này cho trẻ. Từ đây có thể kết luận, việc hình thành KN chuẩn bị và dọn dụng cụ ăn của trẻ ở trường mầm non thực hiện rất tốt, tuy nhiên không được củng cố ở gia đình.

### ***Kỹ năng ăn***

Phần lớn trẻ 4-5 tuổi có thể tự ăn, tuy nhiên trẻ tự ăn với những mức độ khác nhau. Đa phần trẻ tự ăn gọn gàng dưới sự giám sát của người lớn. Có thể dễ hiểu vì trẻ thường không tập trung trong mọi chuyện, ăn uống cũng không là một ngoại lệ. Nhiều phụ huynh cho biết, trẻ tự ăn rất gọn gàng nhưng một lúc sau lại sa đà vào việc khác, không chú tâm ăn nữa, đến khi người lớn nhắc nhở mới chịu ăn. Tuy nhiên, số lượng trẻ tự ăn gọn gàng mà không cần người lớn giám sát cũng khá cao. Bên cạnh đó, vẫn có một số ít trẻ tự ăn nhưng rơi vãi nhiều hoặc phải để người lớn cho ăn hoàn toàn. Giáo viên đứng lớp của những trẻ này cho biết ở lớp trẻ ăn rất chậm so với các bạn, cuối buổi các cô phải tận tay đút cho từng trẻ.

### ***Kỹ năng nấu ăn***

Ở KN này, hầu hết các trẻ đều không tham gia vào công việc nấu ăn. Bởi lẽ, đây là một công việc khó và không an toàn nên nhiều gia đình không muốn trẻ tham gia. Tuy nhiên, vẫn có một số ít trẻ tham gia vào các công việc nấu ăn đơn giản như đập/đánh trứng, nhặt/rửa rau,... khi được yêu cầu và kết quả công việc không cao, người lớn phải làm lại.

### ***Kỹ năng uống nước***

Nhận thấy đây là một KN không khó khi vận động tinh ở đôi bàn tay và cơ miệng trẻ 4-5 tuổi đã hoàn thiện. Các số liệu cho thấy, tất cả trẻ 4-5 tuổi đều có khả năng tự rót và uống nước bằng cốc, nhưng ở các mức độ khác nhau. Đa số trẻ có thể tự rót và uống nước bằng cốc một cách gọn gàng, chỉ có một tỷ lệ rất nhỏ trẻ uống bằng cốc nhưng rơi vãi nhiều và trẻ uống bằng cốc với sự giúp đỡ của người lớn, chẳng hạn cầm hộ cốc, rót nước giúp... Một yêu cầu sau khi uống xong là trẻ phải làm vệ sinh dụng cụ uống.

### ***Kỹ năng vệ sinh đồ dùng sau khi uống của trẻ***

Vệ sinh đồ dùng sau khi uống sẽ bao gồm cả công việc rửa sạch và đặt đúng nơi quy định. Số liệu cho thấy, gần một nửa số lượng trẻ 4-5 tuổi sau khi uống nước sẽ đặt cốc đúng nơi quy định nhưng không rửa. Nguyên nhân dẫn đến thực trạng này là do giáo viên và phụ huynh hoàn toàn. Số lượng trẻ tự rửa và đặt cốc đúng nơi quy định, rửa và đặt cốc đúng nơi quy định khi có sự nhắc nhở của người lớn, không rửa và không đặt đúng nơi quy định cũng khá lớn.